

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-11-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hồng Thanh.
2. Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989; thường trú: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Ngõ 49 Ng, xã H, thành phố V, tỉnh Ngh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Giang Ch, sinh năm 1985; thường trú: Ấp 4, xã An Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Số 177/8, tổ 22, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Mai Giang Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn số 21/2013, quyền số 01/2013 ngày 04/02/2013. Chị M xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Chị M và anh Ch đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân đến nay được khoảng 07 năm. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Mai Giang Ch.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2012. Hiện nay cháu Kh đang sống với chị M. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2021, bị đơn anh Mai Giang Ch trình bày: Anh Ch thống nhất với lời khai của chị M về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Anh Ch thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân đến nay. Anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2012. Hiện nay cháu Kh đang sống với chị M. Sau khi ly hôn anh Ch đồng ý giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ch không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các **Điều 227, 228 và 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Mai Giang Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2013, quyển số 01/2013 ngày 04/02/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị M xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã ly thân đến nay được khoảng 07 năm và yêu cầu được ly hôn. Anh Ch thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị M và anh Ch đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị M và anh Ch đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M và anh Ch đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chị M yêu cầu ly hôn với anh Ch là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh Ch có một con chung tên Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2012. Hiện nay cháu Kh đang sống với mẹ, chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ch thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Khi giải quyết ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Khang hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu sống cùng chị Giang vẫn phát triển tốt, nguyện vọng của cháu Khang là được sống với mẹ. Tại biên bản lấy lời khai anh Ch đồng ý giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là có căn cứ chấp nhận, phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với anh Mai Giang Ch về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Mai Giang Ch. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã An Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 04/02/2013).

- Về con chung: Anh Mai Giang Ch giao cháu Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị M và anh Ch đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Ch lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị M nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Mai Giang Ch không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049594, ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân